TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST
Ngày 29-9-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và bà H` Thủy Bon Jốc Ju.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Nguyễn Vũ Hồng Hoa - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2022/TLST-DS, ngày 20/5/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 181/2022/QĐST-DS ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1974 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Trương M, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1979 – Đều vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 17/5/2022), quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa bà Bùi Thị D trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 28/7/2019 bà Bùi Thị D cho vợ chồng ông Trương M và bà Phạm Thị P vay số tiền 200.000.000 đồng, việc vay nợ có giấy viết tay bằng bút mực màu xanh, không thể hiện lãi suất, chỉ thỏa thuận thời hạn thanh toán ngày 28/02/2021. Ông M có viết và ký tên "Trương M" còn bà P điểm chỉ dấu tay bằng mực màu xanh. Đến hạn trả nợ, vợ chồng bà P không thanh toán cho bà D. Do đó, bà D khởi kiện, yêu cầu ông M, bà P trả 200.000.000đ tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 01/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình là yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông M bà P thanh toán số tiền số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, bà D không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại phiên tòa bà D giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông M bà P thanh toán số tiền số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án ông Trương M và bà Phạm Thị P trình bày:

Ông M và bà P cho rằng ông bà chỉ nợ bà D tiền bưu, hụi không nhớ chính xác từ số tiền gốc bao nhiêu, chỉ khoảng hơn 100.000.000 đồng, bà D tính cả tiền lãi nên mới thành số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên ông bà không biết bà D tính với mức lãi suất bao nhiêu, thời hạn tính lãi kể từ thời điểm nào để thành số tiền 200.000.000 đồng. Ông M và bà P thừa nhận "GIẤY MƯỢNG TIỀN" đề ngày 28/7/2019 thể hiện chữ ký và viết "Trương M" là chữ kỹ, chữ viết của ông M, dấu tay điểm chỉ mực màu xanh là của bà P. Ông bà đồng ý trả cho bà D số tiền 200.000.000 đồng nhưng đề nghị bà D không lấy tiền lãi, đối với số tiền gốc thì ông bà xin trả D mỗi năm một ít.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS); bị đơn không chấp hành tốt các quy định của BLTTDS, cụ thể vắng mặt tại một số buổi làm việc và và vắng mặt tại phiên tòa, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Trương M và bà Phạm Thị P phải thanh toán cho bà Bùi Thị D với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Bà Bùi Thị D không yêu cầu tiền lãi nên không xem xét.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: "GIẤY MƯỢNG TIỀN" đề ngày 28/7/2019 (bản gốc). Toàn bộ tài liệu do Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án được Tòa án thu thập theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, được Tòa án chấp nhận làm căn cứ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Trương M và bà Phạm Thị P có địa chỉ tại Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy vay tiền mà bà Bùi Thị D đã cung cấp thể hiện thời hạn thanh toán nợ là ngày 28/02/2021, do ông M, bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ngày 17/5/2022 bà Bùi Thị D nộp đơn khởi kiện là không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[1.3] Xét nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà D cho rằng ông M, bà P vay của bà 200.000.000đ. Chứng cứ bà D cung cấp là 01 "GIẤY MƯỢNG TIỀN" đề ngày 28/7/2019 được viết bằng bút mực màu xanh, dưới mục người mượn ông M có ký và viết chữ "Trương M", bà P điểm chỉ ngón tay bằng mực màu xanh. Ông M, bà P thừa nhận chữ ký, chữ viết và điểm chỉ là do ông bà viết, ký và điểm chỉ. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng ông bà không vay tiền mặt của bà D mà do bà P nợ tiền bưu hụi của bà D không nhớ chính xác từ số tiền gốc bao nhiêu, chỉ khoảng hơn 100.000.000 đồng, bà D tính cả tiền lãi nên mới thành số tiền 200.000.000 đồng, ông bà không biết bà D tính với mức lãi suất bao nhiêu, thời hạn tính lãi kể từ thời điểm nào để thành số tiền 200.000.000 đồng. Nguyên đơn bà D không thừa nhận. Bị đơn ông M, bà P không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng M cho lời trình bày của mình, không phù hợp với nội dung của giấy vay tiền ngày 28/7/2019. Vì vậy, đây là tình tiết, sự kiện không

phải chứng M theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xét thấy, việc bà D cho ông M, bà P vay số tiền 200.000.000đ là có thật. Đến hạn trả nợ, ông M, bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 28/02/2021 nên bà Bùi Thị D khởi kiện ông bà yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là cơ cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D. Buộc ông Trương M và bà Phạm Thị P trả cho bà Bùi Thị D số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Theo đơn khởi kiện, bà D yêu cầu ông M và bà P phải trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 01/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận thay đổi yêu cầu không tính tiền lãi của bà D và không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương M và bà Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Hoàn trả bà Bùi Thị D số tiền 5.595.000 đồng *(Năm triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003294, ngày 17/5/2022.

[6.]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; khoản 1 Điều 244 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D.

1. Buộc ông Trương M và bà Phạm Thị P phải trả cho bà Bùi Thị D số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Trương M và bà Phạm Thị P phải nộp 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tiền án phí DSST. Hoàn trả cho bà Bùi Thị D 5.595.000 đồng *(Năm triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003294, ngày 17/5/2022.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựoc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện.Krông Nô;
- CC THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu